

Bản án số: 178/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 25/4/2024.

V/v: Tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NHÀ BÈ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Doãn Thị Duyên

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Văn Tao;

2. Bà Trần Thị Bích Liên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hiếu – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè tham gia phiên tòa: B L H Bảo Trn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 04 năm 2024 tại trụ sở Tiaấn nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 704/2023/TLST-HNGĐ ngày 05/12/2023 về việc “Ly hôn” theo Quyết định của vụ án ra xét xử số: 451/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Cẩm T – sinh năm 1984

Địa chỉ: 7 Đường D, Khu phố D, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Bị đơn: Ông Văn Thành T1 – sinh năm 1983

Địa chỉ: H Ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Có mặt)

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1/ Bà Văn Thị Cẩm H

Địa chỉ: số C Đường Đ, Ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

2/ Ông Văn Thành T2

Địa chỉ: H Ấp B, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

3/ Bà Văn Thị Băng C

Địa chỉ: A Đường N, Tổ C, Ấp D, xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

4/ Ông Nguyễn Duy T3

Địa chỉ: 1 Khu phố E, phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại Đơn khởi kiện đề ngày 27 tháng 11 năm 2023, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 đã tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2019 theo Giấy chứng nhận kết hôn số P29, quyển số 01/03 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23/12/2003.

Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, tình cảm vợ chồng ngày càng xa cách, không còn yêu thương, quý trọng lẫn nhau. Hai bên đã cố gắng hòa giải để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng vẫn không được. Nay, bà Nguyễn Thị Cẩm T xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn ông Văn Thành T1.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 có 02 con chung tên là Văn Thành K – sinh ngày 10/04/2004 (Đã trưởng thành) và Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012.

Việc cấp dưỡng nuôi con: Bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu ông Văn Thành T1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà T xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà T và ông T1 04 khoản nợ chung cụ thể: Vay của bà Văn Thị Cẩm H với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Văn Thành T2 với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của bà Văn Thị Băng C với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Nguyễn Duy T3 với số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Bà T đồng ý trả nợ chung về yêu cầu chia sẻ khoản nợ với ông T1.

Ông Văn Thành T1 từ chối đơn trình bày:

Ông Văn Thành T1 và bà Nguyễn Thị Cẩm T có đăng ký kết hôn vào năm 2003 theo Giấy chứng nhận kết hôn quyển số: 01/03 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2003.

Ông T1 thừa nhận trong cuộc sống gia đình vợ chồng ông T1 và bà T không có tiếng nói chung, phát sinh nhiều mâu thuẫn. Hiện nay, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không ai quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cả hai không còn tình cảm với nhau và không có khả năng hàn gắn, hòa giải được nên ông T1 đồng ý ly hôn với bà T.

Về con chung: Ông Văn Thành T1 xác nhận giữa ông T1 và bà T có 02 con chung tên là Văn Thành K – sinh ngày 10/04/2004 (Đã trưởng thành) và Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012. Ông T1 đồng ý giao con chung Văn Thành Nguyên – sinh ngày 12/10/2012 cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Việc cấp dưỡng nuôi con, ông T1 không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Có nhà và đất tại địa chỉ 7 Đường D, Khu phố D, thị trấn N, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh, tài sản này hiện nay ông T1 và bà T chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Về tài sản chung hai bên thỏa thuận tự giải quyết, ông T1 không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông T1 và bà T có 04 khoản nợ chung cụ thể: Vay của bà Văn Thị Cẩm H với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Văn Thành T2 với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của bà Văn Thị Băng C với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Nguyễn Duy T3 với số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Tất cả các khoản vay trên không có lập thành văn bản. Ông T1 yêu cầu chia đôi khoản nợ chung, ông T1 và bà T mỗi người phải có trách nhiệm trả ½ khoản nợ chung này.

Tại bản tự khai, bà Văn Thị Cẩm H là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà H xác nhận có cho ông T1, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền hai bên không có lập thành văn bản. Bà H không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà T trả nợ trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, ông Văn Thành T2 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông T2 xác nhận có cho ông T1, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền hai bên không có lập thành văn bản. Ông T2 không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà T trả nợ trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, bà Văn Thị Băng C là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Bà C xác nhận có cho ông T1, bà T vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay mượn tiền hai bên không có lập thành văn bản. Bà C không có yêu cầu độc lập và không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà T trả nợ trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Tại bản tự khai, ông Nguyễn Duy T3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông T3 xác nhận có cho ông T1, bà T vay số tiền 150.000.000 đồng. Ông T3 không yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông T1, bà T trả nợ trong vụ án này mà sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác khi cần thiết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Nhà Bè, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến như sau:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán kể từ khi thụ lý vụ án và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa đã đảm bảo các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc xét xử vắng mặt các đương sự đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Qua các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ và qua phần tranh tụng tại phiên tòa hôm nay, nhận thấy nguyên đơn và bị đơn đã thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết vụ án nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về tố tụng và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo thì quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 được xác định là tranh chấp về hôn nhân và gia đình được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Ông T1 có địa chỉ cư trú tại huyện N nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Nhà Bè theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thủ tục tố tụng: Các ông, bà: Văn Thị Cẩm H, Văn Thành T2, Văn Thị Băng C và ông Nguyễn Duy T3 là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin vắng mặt nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

2. Về các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị Cẩm T ỹu cầu ly hôn ơng Văn Tĩnh T1.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn quyền số: 01/03 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 23 tháng 12 năm 2003 thì bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 có quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bà T và ông T1 đều thừa nhận vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, không có tiếng nói chung, mỗi người đều có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và hiện nay hai người đã sống ly thân. Bà T và ông T1 đều thống nhất thuận tình ly hôn. Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 cùng thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận của bà T và ông T1.

[2.2] Về con chung:

Bà T và ông T1 xác nhận có 02 con chung tên là Văn Thành K – sinh ngày 10/04/2004 (Đã trưởng thành) và Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012. Bà Nguyễn Thị Cẩm T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012, không yêu cầu ông T1 cấp dưỡng nuôi con.

Hội đồng xét xử xét:

Căn cứ vào Giấy khai sinh số 70 quyền số 01/04 do Ủy ban nhân dân phường T, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 19/4/2004 và Giấy khai sinh số 270 quyền số 02/2012 do Ủy ban nhân dân xã P, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp có cơ sở xác định bà T và ông T1 có 02 con chung tên là Văn Thành K – sinh ngày 10/04/2004 và Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012. Con chung Văn Thành K đã trưởng thành do đó Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với con chung Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012, bà T và ông T1 thống nhất giao con cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự thỏa thuận này.

[2.3] Về tài sản chung: Hai bên thỏa thuận tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn T4 xác nhận trong thời kỳ hôn nhân, vợ chồng bà T và ông T1 có 04 khoản nợ chung bao gồm: Vay của bà Văn Thị Cẩm H số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Văn Thành T2 số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của bà Văn Thị Băng C số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Nguyễn Duy T3 số tiền

là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng. Bà T và ông T1 đồng ý chia đôi mỗi người chịu ½ số nợ chung này. Tuy nhiên, các ông, bà: Văn Thị Cẩm H, Văn Thành T2, Văn Thị Băng C và ông Nguyễn Duy T3 không yêu cầu bà T và ông T1 trả nợ trong vụ án này và sẽ khởi kiện vụ án khác khi cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các ông, bà Văn Thị Cẩm H, Văn Thành T2, Văn Thị Băng C và ông Nguyễn Duy T3 có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Văn Thành T1 trong vụ án khác.

3. Về phí: n phí đn sự sơ thẩm (Ly hôn) 1 300.000 ồng (Ba trăm nghìn ồng) do nguyễn ơn chịu.

Vì ết lẽ trn,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; iểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228; Điều 266; Điều 271; Điều 273 và Điều 280 của Bộ luật tố tụng đn sự;

Căn cứ vào ết Điều 55; 57; 58; 81; 82; 83 và Điều 84 của Luật Hôn n्हn và gia ình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 26 Luật thi hnh đn sự;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy ình về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng n phí và lệ phí Tĩa n ngày 30/12/2016.

Tuỷn xử:

Chấp nhận ỹu cầu khởi kiện của b Nguyễn Thị Cẩm T.

1/ Về quan hệ hôn n्हn: Công nhận b Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 thuận tình ly hôn

2/ Về con chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn Thành T1 có 02 con chung tên là Văn Thành K – sinh ngày 10/04/2004 (Đã trưởng thành) và Văn Thành N – sinh ngày 12/10/2012. Hai bên thỏa thuận giao con chung Văn Thành Nguyên – sinh ngày 12/10/2012 cho bà Nguyễn Thị Cẩm T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc. Ghi nhận việc bà Nguyễn Thị Cẩm T không yêu cầu ông Văn Thành T1 cấp dưỡng nuôi con.

Bà Nguyễn Thị Cẩm T cũ trch nhiệm tạo iều kiện thuận lợi khi ông V Thành Tm ến thăm nom, chăm síc, giáo dục con chung. Ông Văn Thành T1 cũ quyền i lại thăm nom, chăm síc, giáo dục con chung mề không ai ược cản trở ông T1 thực hiện quyền n्हn. Vì quyền lợi của con khi cần thiết, theo ỹu cầu của cha mẹ, cơ quan, tổ chức quy ình tại khoản 5 Điều 84 Luật hôn n्हn gia ình, Tĩa n cũ thể quyết ình việc thay ổi mức cấp dưỡng hoặc thay ổi người trực tiếp nười con.

3/ Về tài sản chung: Hai bnh thỏa thuận tự giải quyết, không ỹu cầu Tĩa n giải quyết.

4/ Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Cẩm T và ông Văn T4 có 04 khoản nợ chung bao gồm: Vay của bà Văn Thị Cẩm H với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của ông Văn Thành T2 với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu) đồng; Vay của bà Văn Thị Băng C với số tiền là 100.000.000 (Một trăm triệu)

đồng; Vay của ông Nguyễn Duy T3 với số tiền là 150.000.000 (Một trăm năm mươi triệu) đồng.

Các ông, bà: Văn Thị Cẩm H, Văn Thành T2, Văn Thị Băng C và ông Nguyễn Duy T3 không yêu cầu bà T và ông T1 trả nợ trong vụ án này và sẽ khởi kiện vụ án khác khi cần thiết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Các ông, bà Văn Thị Cẩm H, Văn Thành T2, Văn Thị Băng C và ông Nguyễn Duy T3 có quyền khởi kiện bà Nguyễn Thị Cẩm T, ông Văn Thành T1 trong vụ án khác.

5/ Về n phí: n phí đn sự sơ thẩm 1 300.000 ồng (Ba trăm nghìn ồng) do b Nguyễn Thị Cẩm T chịu, ược trừ vò tiền tạm ứng n phí m b T nộp 1 300.000 ồng (Ba trăm nghìn ồng) theo bñ lai thu số AA/2023/0007774 ngày 05 tñg 12 năm 2023 của Chi cục Thi ãnh n đn sự huyện Nhì B, Tỉnh phố Hồ Chí Minh. B T nộp ấ n phí.

6/ Về quyền kháng cáo: Các đưong sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đưong sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

7/ Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp.HCM;
- VKSND huyện Nhà Bè;
- Chi cục THADS huyện Nhà Bè;
- UBND phường Tân Phú, Quận 7, Thành phố Hồ Chí Minh;
- Các đưong sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Doãn Thị Duyên

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Doãn Thị Duyên

